

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm

pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định điều kiện tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2545/TTr-SKHHCN ngày 29 tháng 6 năm 2023 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 3007/BC-HĐTVTĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 về việc ban hành Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã được phê duyệt.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2023. Quyết định này thay thế Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 về việc ban hành Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân quản lý, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ): là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển khoa học và công nghệ và được tổ chức dưới hình thức chương trình khoa học và công nghệ, đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ.
- Chương trình khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn. Chương trình khoa học và công nghệ được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, đề tài hỗ trợ triển khai, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ, đề án khoa học có cùng định hướng, mục tiêu, phối hợp để đạt mục đích của chương trình.

3. *Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn tổ chức, cá nhân có điều kiện, năng lực tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ thông qua việc xem xét, đánh giá theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quy chế này.

4. *Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ thông qua việc xem xét, đánh giá theo những yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quy chế này.

5. *Hoạt động khai thác kết quả của nhiệm vụ* là các hoạt động nhằm triển khai ứng dụng, thương mại hóa các kết quả được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức sau: giao quyền sở hữu, giao quyền sử dụng, góp vốn bằng kết quả nhiệm vụ, ứng dụng trong sản xuất kinh doanh.

6. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng* là nhiệm vụ do Sở Khoa học và Công nghệ đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

7. *Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ* (sau đây gọi tắt là Thuyết minh nhiệm vụ) là tài liệu thể hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, sản phẩm, tiến độ thực hiện nhiệm vụ, ...; phương án xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ; dự kiến kinh phí cần thiết nhằm triển khai các nội dung theo mục tiêu đã được phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn theo nhu cầu phát triển của Thành phố.

2. Tổ chức việc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; quản lý quá trình thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ.

4. Tổ chức quản lý khai thác kết quả nhiệm vụ, giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Đề xuất các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia có tính liên ngành, liên vùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

6. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ.

7. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Chương II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ nhằm mục đích phục vụ cho các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Thành phố; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng, đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh; giải quyết vấn đề thực tiễn, cấp bách của Thành phố; nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ có tính cấp thiết, tính khoa học, tính sáng tạo và có hiệu quả ứng dụng.

3. Nhiệm vụ có nội dung không trùng lặp với các nhiệm vụ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

4. Nhiệm vụ có 01 (một) chủ nhiệm nhiệm vụ.

5. Nhiệm vụ có thời gian thực hiện tối đa 24 tháng tính từ khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (trừ chương trình, dự án khoa học và công nghệ); các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế triển khai không quá 36 tháng. Trường hợp cần thiết, nhiệm vụ có thể được xem xét gia hạn 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện đến 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức đăng ký làm tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Là pháp nhân được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam có chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Riêng đối với nhiệm vụ theo hình thức

đề án khoa học, tổ chức chủ trì có thể là các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ.

3. Có đủ kinh nghiệm, năng lực, phương án huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

4. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau không đủ điều kiện đăng ký làm tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

a) Vi phạm hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đối với các nhiệm vụ đang triển khai;

b) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ.

2. Lựa chọn cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm vụ. Trong trường hợp có sự thay đổi chủ nhiệm vụ, tổ chức chủ trì phải thông báo bằng văn bản và được sự chấp thuận của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

4. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

5. Tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ theo đúng tiến độ đã cam kết.

6. Quản lý, sử dụng có hiệu quả và đúng quy định kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Cung cấp đầy đủ thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Khoa học và Công nghệ, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ theo quy định (nếu có).

9. Thực hiện việc giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

10. Tổ chức quản lý, khai thác các kết quả của nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền, được hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm phân chia lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định.

Điều 7. Điều kiện đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn, nghiệp vụ và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác theo đúng lĩnh vực của nhiệm vụ đăng ký làm chủ nhiệm và có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ.

2. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau không đủ điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ:

a) Có nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiêm thu ở mức “không đạt” vì lý do chủ quan trong thời gian 02 năm kể từ khi có thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Có vi phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

3. Được tổ chức chủ trì bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết. Được hưởng quyền tác giả và các quyền liên quan đối với quyền tác giả trong quá trình khai thác kết quả nhiệm vụ.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai; chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết và các tài liệu khác của nhiệm vụ.

6. Tuân thủ các quy định kiểm tra, giám sát và báo cáo theo yêu cầu của tổ chức chủ trì và Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương III

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, TỔ CHỨC VÀ CHUYÊN GIA TƯ VẤN ĐỘC LẬP

Điều 9. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (gọi tắt là Hội đồng) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập để thực hiện hoạt động tư vấn chuyên môn liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- a) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- c) Hội đồng tư vấn điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- d) Hội đồng tư vấn giám định nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- đ) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cơ sở;
- e) Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- g) Hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- h) Các Hội đồng tư vấn khác nhằm phục vụ cho hoạt động tư vấn chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

2. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, minh bạch, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Các thành viên Hội đồng thảo luận

công khai về nội dung được giao tư vấn. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về ý kiến của mình.

3. Thành phần Hội đồng bao gồm các cá nhân có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ tư vấn.

4. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên hội đồng

a) Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ mà Hội đồng đang xem xét;

b) Người đang bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án và chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền lợi và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

5. Hội đồng gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch (nếu cần), 02 thành viên là ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các thành viên khác. Số lượng các thành viên trong Hội đồng từ 05 đến 09 thành viên. Các ủy viên phản biện của Hội đồng công tác tại các tổ chức khác nhau.

6. Thành phần Hội đồng khi thực hiện giám định, nghiệm thu nhiệm vụ phải bảo đảm ít nhất 50% tổng số thành viên hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đó.

7. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của vấn đề cần tư vấn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

8. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (trong trường hợp Hội đồng có Phó Chủ tịch) được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học;

b) Hội đồng bầu một ủy viên làm thư ký khoa học ngay tại phiên họp để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của hội đồng;

c) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của Hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt thống nhất. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng.

9. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng

a) Thành viên Hội đồng có trách nhiệm đánh giá thuyết minh nhiệm vụ theo các yêu cầu, tiêu chí của Sở Khoa học và Công nghệ; tư vấn về sự phù hợp nhân lực và kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

b) Hội đồng có trách nhiệm tổng hợp kết luận, đánh giá, lập biên bản họp Hội đồng;

c) Thành viên Hội đồng có nghĩa vụ giữ bí mật các thông tin nhận được trong quá trình hoạt động tư vấn, trừ trường hợp có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 10. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập để thực hiện hoạt động tư vấn chuyên môn liên quan đến kinh phí thực hiện nhiệm vụ và tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Tổ thẩm định có từ 03 đến 05 thành viên, trong đó có 01 (một) tổ trưởng, 01 (một) thành viên kiêm nhiệm Thư ký của Tổ thẩm định. Thành viên của Tổ thẩm định có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính, các thành viên còn lại có chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ được thẩm định.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của vấn đề cần tư vấn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác so với quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Phiên họp của Tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 3/4 số thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có thành viên có chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính.

b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì các phiên họp của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều này.

c) Các ý kiến của thành viên được thư ký tổng hợp, đưa vào Biên bản thẩm định. Trường hợp có thành viên không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến, Tổ thẩm định báo cáo cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời đề xuất phương án xử lý.

5. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

a) Đánh giá sự phù hợp của dự toán kinh phí đối với các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành và trong khả năng cân đối kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Đánh giá khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ (nếu có) dựa trên các tài liệu minh chứng khả năng huy động các nguồn lực tài chính trên;

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có); tỷ lệ sở hữu các kết quả nghiên cứu theo quy định; phương án xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Điều 11. Tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Tổ chức tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN.

2. Chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN.

3. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến tư vấn của tổ chức hoặc chuyên gia tư vấn độc lập trong quá trình quản lý nhiệm vụ.

Chương IV**TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 12. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, quản lý, xử lý kết quả nhiệm vụ và tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, nghiệm thu, tổ chức quản lý nhiệm vụ theo quy định hoặc thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ đứng tên phần quyền sở hữu, quản lý, xử lý kết quả và tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định đối với những nhiệm vụ do mình phê duyệt được quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 13. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

1. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo mời tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét các thuyết minh nhiệm vụ đủ điều kiện theo quy định; thành lập Hội đồng và Tổ thẩm định để thực hiện việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ.

3. Nhiệm vụ được đánh giá “Đạt” để xem xét cho thực hiện khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

a) Trên 3/4 số thành viên Hội đồng đánh giá thuyết minh nhiệm vụ đạt từ 70 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100), trong đó bắt buộc phải có các ủy viên phản biện và không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm 0 (không điểm).

b) Nhiệm vụ có số điểm trung bình đạt từ 70 điểm trở lên trên tổng số điểm của các thành viên trong Hội đồng tư vấn.

c) Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 ủy viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ;

d) Được Tổ thẩm định thống nhất tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

4. Trong trường hợp có từ 02 (hai) tổ chức chủ trì trở lên cùng đăng ký thực hiện một nhiệm vụ và được Hội đồng đánh giá “Đạt”, tổ chức trúng tuyển là tổ chức có thuyết minh nhiệm vụ thỏa mãn một trong các điều kiện theo thứ tự như sau:

a) Có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước thấp nhất;

b) Trường hợp có kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên thuyết minh nhiệm vụ có tổng điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất;

c) Trường hợp có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí bằng nhau; kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước bằng nhau thì ưu tiên thuyết minh nhiệm vụ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước cao hơn;

d) Các trường hợp không theo quy định tại điểm a, b hoặc c Điều này do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ 03 tháng một lần và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Căn cứ báo cáo tiến độ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và tổ chức kiểm tra, giám sát thực tế nếu cần thiết.

2. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, ông thời kiểm tra theo vụ việc trên cơ sở yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng để giám định, đánh giá kết quả thực hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nội dung nghiên cứu và tiến độ theo hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã ký kết hoặc làm cơ sở để xem xét, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 15. Nghiệm thu nhiệm vụ

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (nghiệm thu cơ sở) trước khi Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành nghiệm thu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng để đánh giá, nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hội đồng đánh giá, xếp loại nhiệm vụ theo các mức sau đây:

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt»;

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a và điểm b khoản này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập trước khi công nhận kết quả trong trường hợp có thông tin phản ánh, kiến nghị liên quan đến quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ hoặc kết luận của Hội đồng.

4. Đối với nhiệm vụ nghiệm thu xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 16. Đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả nhiệm vụ

1. Việc đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả nhiệm vụ được thực hiện theo quy định.

2. Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin kết quả nhiệm vụ là Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Quản lý nhiệm vụ sau nghiệm thu

1. Nhiệm vụ được quyết toán và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được kiểm kê và bàn giao theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức quản lý, phổ biến, khai thác kết quả của nhiệm vụ theo quy định.

Điều 18. Các trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Nhiệm vụ được nghiệm thu và hoàn tất thủ tục theo quy định;

b) Theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên tham gia ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ và hoàn tất thủ tục theo quy định.

c) Các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp tổ chức chủ trì:

a) Bị giải thể hoặc phá sản;

b) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba;

c) Vi phạm thời hạn thực hiện nhiệm vụ;

d) Sử dụng kinh phí không đúng mục đích được nêu trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

đ) Thực hiện không đúng nội dung nhiệm vụ được nêu trong Thuyết minh và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

e) Không nộp các báo cáo tiến độ, giám định, nghiệm thu, thanh quyết toán nhiệm vụ;

g) Không đảm bảo các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và nhân lực theo Thuyết minh nhiệm vụ để thực hiện hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

h) Gây ra hậu quả nghiêm trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, vi phạm đến quy định pháp luật và ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nhiệm vụ;

3. Tổ chức chủ trì được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp Sở Khoa học và Công nghệ không cấp đủ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo dừng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 19. Công khai thông tin liên quan đến nhiệm vụ

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác:

1. Các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố.

2. Nhiệm vụ đặt hàng hàng năm.

3. Nhiệm vụ được phê duyệt hàng năm.

4. Kết quả, báo cáo tóm tắt của các nhiệm vụ nghiệm thu hàng năm.
5. Nhiệm vụ dừng thực hiện hàng năm.

Điều 20. Giao trực tiếp đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố thành lập thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn theo nhu cầu phát triển của Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố thành lập thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ xây dựng chương trình khoa học và công nghệ/dự án khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ phát sinh hàng năm phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định, phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, nghiệm thu, tổ chức quản lý nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này hoặc thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 21. Quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý. Kinh phí này được chuyển vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo quy định và được ngân sách Thành phố bổ sung kịp thời để bảo đảm liên tục việc thực hiện nhiệm vụ.

Điều 22. Nội dung, định mức chi cho hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ

1. Nội dung, mức chi các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán và các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định.
2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước để nhận kinh phí theo tiến độ được cam kết trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Điều 23. Nguyên tắc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ thuộc một trong các trường hợp sau đây được cấp tối đa đến 100% tổng kinh phí thực hiện:

a) Nhiệm vụ thuộc danh mục nhiệm vụ theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Nhiệm vụ được xét giao trực tiếp theo quy định;

c) Nhiệm vụ khác được Hội đồng đánh giá đạt từ 80/100 điểm trở lên và có sản phẩm đáp ứng một trong các tiêu chí: phục vụ cho khu vực công của Thành phố; phục vụ cho cộng đồng người dân Thành phố; phục vụ nhóm doanh nghiệp của Thành phố; sản phẩm mang tính đột phá so với sản phẩm cùng loại hiện có trên thị trường hoặc sản phẩm có tiềm năng phát triển trong tương lai.

2. Nhiệm vụ không thỏa tiêu chí tại khoản 1 Điều này được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện.

3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét mức hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phù hợp.

Điều 24. Xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí nhiệm vụ

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán theo quy định.

2. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán kinh phí, đề xuất phương thức thực hiện theo quy định.

3. Công tác báo cáo, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 25. Quản lý chứng từ

1. Toàn bộ chứng từ của nhiệm vụ do tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ chứng từ chi theo đúng quy định để phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán khi có yêu cầu.

3. Sở Khoa học và Công nghệ hoặc thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thẩm tra quyết toán nhiệm vụ lưu bảng kê chứng từ, bảng quyết toán kinh phí nhiệm vụ có xác nhận của tổ chức chủ trì.

Điều 26. Quản lý kết quả và tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ

1. Việc quản lý, triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ được thực hiện theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ theo quy định.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tổ chức, quản lý việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

c) Định kỳ 05 năm tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố.

d) Hàng năm tổ chức đặt hàng thực hiện nhiệm vụ; xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ; khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

đ) Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nội dung được phân cấp nêu tại Điều 12 Quy chế này.

2. Cơ quan quản lý các đơn vị được quy định tại Điều 20 Quy chế này có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ và việc sử dụng kết quả sau nghiệm thu theo quy định.

3. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí ngân sách theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ để đảm bảo công tác quản lý và thực hiện nhiệm vụ được kịp thời.

4. Hàng năm, Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị để xác định nhiệm vụ phục vụ công

tác quản lý điều hành và phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức đặt hàng hoặc giao trực tiếp thực hiện; tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu khi được giao quyền.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nội dung tại Quy chế này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, phát sinh những nội dung cần sửa đổi bổ sung, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.